

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **2877** /QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035

Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Văn bản số 03/TTr-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc thẩm định và phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035 Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV; Văn bản góp ý cho đề án số 2547/EVN-KH ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Văn bản số 1147/EVNNPT-KH ngày 05 tháng 04 năm 2018 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Văn bản số 2454/EVNSPC-KH ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam; hồ sơ bổ sung, hiệu chỉnh Đề án do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập tháng 6 năm 2018 kèm Văn bản số 976/SCT-QLĐN ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Sở Công Thương Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập với các nội dung chính như sau:

1. Định hướng phát triển

a) Định hướng chung

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương trong vùng, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với chiến lược phát triển ngành điện, quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác của vùng và các địa phương trong vùng.

- Phát triển lưới điện 220 kV và 110 kV, hoàn thiện mạng lưới điện khu vực nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên một hàng cột để giảm diện tích chiếm đất. Đối với các thành phố, các trung tâm phụ tải lớn, sơ đồ lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao hơn; thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện tại các thành phố, thị xã, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

b) Tiêu chí phát triển lưới điện 220 kV, 110 kV

- Cấu trúc lưới điện: lưới điện 220 kV, 110 kV được thiết kế đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành. Lưới điện 220 kV, 110 kV phải đảm bảo dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

- Đường dây 220 kV, 110 kV: ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện.

- Trạm biến áp 220 kV, 110 kV: được thiết kế với cấu hình quy mô trên hai máy biến áp.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Các đường dây 220 kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 400 \text{ mm}^2$ hoặc dây phân pha có tổng tiết diện $\geq 600 \text{ mm}^2$, có dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp;

+ Các đường dây 110 kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 240 \text{ mm}^2$.

- Gam máy biến áp: sử dụng gam máy biến áp công suất 125, 250 MVA cho cấp điện áp 220 kV; 40 MVA, 63 MVA cho cấp điện áp 110 kV; đối với các trạm phụ tải của khách hàng, gam máy đặt tùy theo quy mô công suất sử dụng. Công suất cụ thể từng trạm được chọn phù hợp với nhu cầu công suất và đảm bảo chế độ vận hành bình thường mang tải 75 % công suất định mức.

- Hỗ trợ cấp điện giữa các trạm 110 kV được thực hiện bằng các đường dây mạch vòng trung thế 22 kV.

c) Tiêu chí phát triển lưới điện trung áp

- Định hướng xây dựng và cải tạo lưới điện: cáp điện áp 22 kV được chuẩn hoá cho phát triển lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh.

- Cấu trúc lưới điện:

+ Khu vực thành phố, khu đô thị mới, thị xã, thị trấn và các hộ phụ tải quan trọng, lưới điện được thiết kế mạch vòng, vận hành hở; khu vực nông thôn, lưới điện được thiết kế hình tia.

+ Các đường trực trung thế mạch vòng ở chế độ làm việc bình thường mang tải từ 60 - 70% so với công suất mang tải cực đại cho phép của dây dẫn.

+ Tại khu vực thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực đông dân cư, các nhánh rẽ cáp điện cho trạm biến áp có thể sử dụng cáp ngầm hoặc cáp bọc cách điện, cáp vặn xoắn trên không để bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Khu vực nội thành, nội thị, khu đô thị mới, khu du lịch, khu công nghiệp:

• Đường trực: Sử dụng cáp ngầm hoặc cáp treo XPLE tiết diện $\geq 240 \text{ mm}^2$ hoặc đường dây trên không dây nhôm lõi thép bọc cách điện tiết diện $\geq 185 \text{ mm}^2$;

• Các nhánh rẽ: Sử dụng cáp ngầm XPLE hoặc dây nhôm lõi thép bọc cách điện với tiết diện $\geq 95 \text{ mm}^2$.

+ Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn:

• Đường trực: Sử dụng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 120 \text{ mm}^2$;

• Đường nhánh chính: cáp điện 3 pha và một pha cho xã, thôn, xóm dùng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 50 \text{ mm}^2$.

- Gam máy biến áp phân phối:

+ Khu vực thành phố, thị xã, đô thị mới, thị trấn sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 100 kVA÷750 kVA;

+ Khu vực nông thôn sử dụng các máy biến áp 1 pha công suất 25-100kVA hoặc máy biến áp 3 pha công suất 75-630kVA;

+ Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

2. Mục tiêu

a) Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn Tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2016-2020 là 10,0 %/năm, giai đoạn 2021-2025 là 7,5 %/năm, giai đoạn 2026-2030 là 6,5 %/năm và giai đoạn 2031-2035 là 6,0 %/năm. Cụ thể như sau:

- Năm 2020:

Công suất cực đại $P_{max} = 504,9$ MW, điện thương phẩm 2.761 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 8,5 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 8,1 %/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 13,7 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 13,8 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 7,1 %/năm; Hoạt động khác tăng 10,5 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 1.294 kWh/người/năm.

- Năm 2025:

Công suất cực đại $P_{max} = 699,7$ MW, điện thương phẩm 3.998 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 7,7 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 7,7 %/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 9,5 %/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 13,6 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 6,6 %/năm; Hoạt động khác tăng 6,7 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 1.806 kWh/người/năm.

- Năm 2030:

Công suất cực đại $P_{max} = 940,7$ MW, điện thương phẩm 5.508 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2026-2030 là 6,6 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 6,6%/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 7,7%/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 9,8%/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 5,9 %/năm; Hoạt động khác tăng 5,3 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 2.415/người/năm.

- Năm 2035:

Công suất cực đại $P_{max} = 1.255,4$ MW, điện thương phẩm 7.413 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2031-2035 là 6,1 %/năm, trong đó: Công nghiệp – Xây dựng tăng 6,3%/năm; Nông – Lâm – Thủy sản tăng 6,8%/năm; Thương mại – Dịch vụ tăng 9,5 %/năm; Quản lý – Tiêu dùng dân cư tăng 5,1 %/năm; Hoạt động khác tăng 5,3 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 3.170 kWh/người/năm.

Tổng hợp nhu cầu điện của các thành phần phụ tải được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo.

b) Đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy đảm bảo phát triển kinh tế chính trị và an sinh xã hội.

c) Xác định phương án đấu nối của các nhà máy điện trong Tỉnh vào hệ thống điện quốc gia, đảm bảo khai thác hợp lý nguồn điện trong vùng và ổn định hệ thống điện khu vực.

3. Quy hoạch phát triển lưới điện

Quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch như sau:

a) Lưới điện 220 kV:

Giai đoạn 2016-2020

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 1x250 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 01 trạm biến áp 220 kV, công suất 250 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 01 đường dây đấu nối 220 kV, chiều dài 0,2 km; Cải tạo, nâng cấp 02 đường dây 220 kV, chiều dài 90,8 km.

Giai đoạn 2021-2025

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 250 MVA;

+ Đường dây: Xây dựng mới 02 đường dây 220 kV, với tổng chiều dài 22,2 km.

- Định hướng giai đoạn 2026-2030

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 02 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 750 MVA;

+ Đường dây: Xây dựng mới 03 đường dây 220 kV, chiều dài 109,5 km.

- Định hướng giai đoạn 2031-2035

+ Trạm biến áp: Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 02 trạm biến áp 220 kV, tổng công suất 500 MVA.

b) Lưới điện 110 kV:

- Giai đoạn 2016-2020

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 05 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 200 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 05 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 246 MVA;

+ Đường dây: Xây dựng mới 07 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 113,5 km; Cải tạo, nâng cấp 05 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 63,3 km.

- Giai đoạn 2021-2025

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 04 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 160 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 06 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 263 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 04 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 16,1 km; Cải tạo, nâng cấp 04 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 85,4 km.

- Định hướng giai đoạn 2026-2030

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 03 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 120 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 11 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 601 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 03 đường dây 110 kV và các lô ra 110 kV tại trạm 500/220/110 kV Đồng Tháp, trạm 220 kV Hồng Ngự với tổng chiều dài 65,6 km; Cải tạo, nâng cấp 02 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 35,8 km.

- Định hướng giai đoạn 2031-2035:

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 40 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 15 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 853 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 03 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 31,9 km; Cải tạo, nâng cấp 03 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 77 km.

Danh mục các công trình đường dây, trạm biến áp 220, 110 kV vào vận hành giai đoạn 2016-2025 chi tiết trong Phụ lục 3; giai đoạn 2026-2035 trong Phụ lục 4; sơ đồ đấu nối tại bản vẽ số 517008Q-DD-01, 517008Q-DD-02 trong Hồ sơ đề án quy hoạch.

c) Lưới điện trung áp giai đoạn 2016-2025:

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV với tổng dung lượng 561.785 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất với tổng dung lượng 73.627 kVA.

- Đường dây:

+ Xây dựng mới 1.587,9 km đường dây 22 kV

+ Xây dựng mới 37,5 km cáp ngầm.

+ Cải tạo 1.078,8 km đường dây 22 kV.

d) Khối lượng lưới điện hạ áp giai đoạn 2016-2025:

- Xây dựng mới 2.077,2 km, cải tạo 922,4 km đường dây hạ áp.

- Công tơ: lắp đặt mới và thay thế 48.312 công tơ.

Lưới điện trung và hạ áp sẽ được xác định chi tiết trong Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV (Hợp phần II) của Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035.

e) Năng lượng tái tạo:

- Xem xét các dự án nhà máy điện mặt trời tại khu vực tiềm năng trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường.
- Xem xét ứng dụng năng lượng sinh khối, năng lượng khí sinh học, năng lượng rác thải để phát điện tại các khu vực có tiềm năng.

f) Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch:

Giai đoạn 2016 - 2025 tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đến lưới điện trung hạ áp ước tính là 8.354,4 tỷ đồng.

Trong đó:	+ Lưới 220 kV:	2.400,0 tỷ đồng;
	+ Lưới 110 kV:	2.025,6 tỷ đồng;
	+ Lưới trung, hạ áp:	3.928,8 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức công bố quy hoạch, chịu trách nhiệm giành quỹ đất cho các công trình trong quy hoạch đã được phê duyệt, chỉ đạo Sở Công Thương Đồng Tháp tổ chức triển khai lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV để chuẩn xác lưới điện phân phối đến từng cấp xã, chuẩn xác quy mô, tiến độ cải tạo lưới trung áp nhằm tiết kiệm vốn đầu tư và giảm tổn thất điện năng.

2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam và các nhà đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Tháp để tổ chức thực hiện quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện truyền tải và phân phối, các đơn vị điện lực phải tuân thủ đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp được phê duyệt; tuân thủ Luật điện lực, Nghị định hướng dẫn Luật Điện lực, Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy định hệ thống điện phân phối đã được ban hành.

3. Sở Công Thương Đồng Tháp chỉ đạo đơn vị tư vấn lập đề án, hoàn thiện Đề án quy hoạch theo đúng các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này và gửi Hồ sơ Đề án đã hoàn thiện về Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Sở Công Thương Đồng Tháp, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty Điện lực Đồng Tháp để quản lý và thực hiện. Sở Công Thương Đồng Tháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quản lý thực hiện Quy hoạch đã được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam, Giám đốc Công ty Điện lực Đồng Tháp và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh Đồng Tháp
- Sở Công Thương Đồng Tháp;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Công ty Điện lực Đồng Tháp;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
- Lưu: VT, ĐL (KH&QH-thg).



Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC 1: NHU CẦU CÔNG SUẤT VÀ ĐIỆN NĂNG TOÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

GIAI ĐOẠN ĐẾN 2020-2025-2030-2035

(Ban hành kèm theo quyết định số: 877/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Hạng mục	Năm 2015				Năm 2020				Năm 2025				Năm 2030				Năm 2035				Tăng trưởng	
		P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	2016- 2020	2021- 2025	2026- 2035	
1	Công nghiệp, xây dựng	245,0	980,0	53,3	325,5	1.446,0	52,4	427,2	2.096,0	52,4	564,7	2.888,7	52,4	870,4	3.920,3	52,9	8,1	7,7	7,7	6,5			
2	Nông - lâm - thủy sản	69,7	153,3	8,3	132,2	291,7	10,6	198,5	458,2	11,5	276,9	664,6	12,1	384,1	922,6	12,4	13,7	13,7	9,5	9,5	7,3		
3	Thuong mại, dịch vụ	11,0	35,1	1,9	22,4	66,8	2,4	39,6	126,6	3,2	63,2	202,1	3,7	99,3	317,8	4,3	13,8	13,8	13,6	13,6	9,6		
4	Quản lý và TDDC	161,1	612,0	33,3	230,6	862,7	31,2	316,0	1.187,6	29,7	421,5	1.584,6	28,8	541,4	2.035,6	27,5	7,1	6,6	6,6	5,5			
5	Các nhu cầu khác	19,0	57,0	3,1	31,1	93,8	3,4	40,0	129,7	3,2	52,6	167,7	3,0	68,0	217,0	2,9	10,5	10,5	6,7	6,7	5,3		
6	Tổng thương phẩm		1.837,4			2.761,0			3.998,0			5.507,7			7.413,2			8,5	7,7	6,4			
7	Tổn thất		5,5%			3,9%			3,7%			3,5%			3,3%								
8	Tổng điện nhân lƣời		1.937,9			2.867,5			4.144,5			5.699,4			7.658,3								
9	Pmax (MW)		343,8			504,9			699,7			940,7			1.255,4								

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LUỐI ĐIỆN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2011-2015 ĐANG TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo quyết định số 2877/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Danh mục	Tiết diện (mm ²)		Quy mô		Năm vận hành	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo	Số mạch	Chiều dài (km)		
I Giai đoạn 2011-2015							
A Trạm biến áp 220 kV	MVA			MVA	Điện áp (kV)		
1 Sa Đéc				250	220	2018	
B Đường dây 220kV							
1 Đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc	2xAC400	2	0,2			2018	Chuyển tiếp trên đường dây 220 kV Vĩnh Long – Ô Môn
C Đường dây 110 kV							
Xây dựng mới							
Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Sa Đéc:							
+ Chuyển tiếp vào đường dây 110 kV trạm 110kV Sa Đéc - An Hòa	AC400	2	0,3			2018	
1 + Chuyển tiếp vào đường dây 110 kV trạm 110kV Sa Đéc - Sông Hậu	AC400	2	0,2			2018	
2 An Long – Tam Nông	AC400	1	23,5			2020	

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LUỐI ĐIỆN DỰ KIẾN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2016-2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 2877/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Bảng 3.1. Khối lượng trạm biến áp 220, 110 kV xây dựng mới, cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất
của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020**

TT	Tên trạm biến áp	Máy	Hiện trạng	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		
				Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)										
I	Trạm 220 kV														
Xây dựng mới															
1	Sa Đéc (Đã đóng điện tháng 7/2018)	T1 T2								250	220				
II	Trạm 110 kV														
Xây dựng mới															
1	Tam Nông	T1						40	110						
2	Tân Hồng	T1												40	110
3	KCN Trường Xuân	T1												40	110
4	Thanh Bình	T1												40	110
5	Sa Đéc 2	T1												40	110
Cải tạo, nâng công suất															
1	Thay MBA T2 trạm 110 kV Cao Lãnh	T2	25					63	110						
2	Trần Quốc Toản	T2						40	110						

TT	Tên trạm biến áp	Máy	Hiện trạng	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			
				Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)											
3	Thay MBA T2 trạm 110 kV Sa Đéc	T2	25	110	40	110										
4	An Long	T2								40	110					
5	Sông Hậu	T2										63	110			

Bảng 3.2 Khối lượng và thời điểm đưa vào vận hành các đường dây 220-110 kV tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020

TT	Danh mục	Tiết diện			Quy mô	Thời điểm vận hành (năm)	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo	Số mạch			
I	Đường dây 220 kV						
Xây dựng mới							
1	Đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc						
			2xACSR400	2	0,2	2018	
							Dấu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV trạm 220 kV Ô Môn – trạm 220 kV Vĩnh Long (mạch 1) (Đã đóng điện tháng 7/2018)
Cải tạo							
1	Cải tạo, nâng cấp đường dây 220 kV Cai Lậy – Cao Lãnh	ACSR400	2xACSR300	2	59,6	2017	Cải tạo đường dây 220kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch
2	Cải tạo, nâng cấp đường dây 220 kV Cao Lãnh – Thủ Nốt	ACSR400	2xACSR300	2	31,2	2018	Cải tạo đường dây 220kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch
II	Đường dây 110 kV						
Xây dựng mới							
1	Tháp Mười – Tam Nông		ACSR-240	1	33	2017	
			ACSR400	2	0,3	2018	Dấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 110 kV Sa Đéc - An Hòa
2	Lộ ra trạm 220 kV Sa Đéc		ACSR400	2	0,2	2018	Dấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 110 kV Sa Đéc - Sông Hậu (Đã đóng điện tháng 7/2018)
3	An Long – Tam Nông		ACSR400	1	21	2020	

TT	Danh mục	Tiết diện		Quy mô	Thời điểm vận hành (năm)	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo			
4	Hồng Ngự - Vĩnh Hưng		ACSR240	2	49	2020
5	Đầu nối trạm 110 kV Tân Hồng		ACSR240	2	6,8	2020
6	Đầu nối trạm 110 kV KCN Trường Xuân		ACSR240	2	1	2020
7	Đầu nối trạm 110 kV Thanh Bình		2xACSR240	2	2,2	2020
Cải tạo, nâng tiết diện						
1	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV trạm 220 kV Cao Lãnh - Thanh Hưng	ACSR185	2xACSR185	1	25,4	2017
2	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV trạm 220 kV Cao Lãnh - trạm 110 kV Cao Lãnh (mạch 1 và mạch 2)	ACSR240	2xACSR240	2	3,3	2017
3	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV trạm 220 kV Ô Môn - trạm 110 kV Sông Hậu	ACSR240	2xACSR240	1	7,7	2018
4	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV trạm 220 kV Cao Lãnh - Tháp Mười	ACSR240	2xACSR240	1	23	2020
5	Cải tạo, nâng tiết diện đoạn đường dây 110 kV từ trạm 110 kV An Hòa đến điểm đầu nối vào trạm 220 kV Sa Đéc	2xACSR185	2ACSR240	1	3,9	2020

Ghi chú: Tiết diện dây dẫn có thể được chuẩn xác trong giai đoạn lập báo cáo đầu tư.

Tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025

Bảng 3.3. Khối lượng trạm biến áp 220, 110 kV xây dựng mới, cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất của

TT	Tên trạm biến áp	Máy	Đến năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)								
I	Trạm 220 kV											
	<i>Xây dựng mới</i>											
1	Lắp Vò (Lắp Võ theo TSD)	T1							250	220		
II	Trạm 110 kV											
	<i>Xây mới</i>											
1	Mỹ Long	T1							40	110		
2	Tân Thành	T1								40	110	
3	KCN Sa Đéc C	T1							40	110		
4	Lắp Vò 2	T1							40	110		
	<i>Cải tạo, nâng công suất</i>											
1	Tháp Mười	T2							40	110		
2	Thay MBA T1 trạm Au Long	T1	40	110					63	110		
3	Tam Nông	T2							40	110		
4	Tân Hồng	T2									40	110
5	Thanh Bình	T2									40	110
6	Nha Mân	T2							40	110		

Bảng 3.4. Khối lượng và thời điểm đưa vào vận hành các đường dây 220-110 kV tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025

TT	Danh mục	Tiết diện		Quy mô	Thời điểm vận hành	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo			
I	Đường dây 220 kV					
Xây dựng mới						
1	Thớt Nốt – Lấp Vò		2xACSR300	2	22	2023
	Trạm 220 kV Sa Đéc - Rẽ trạm 220 kV Ô Môn – Trạm 220 kV Vĩnh Long		2xACSR400	2	0,2	2023
II	Đường dây 110 kV					
Xây dựng mới						
1	Đầu nối trạm 110 kV Mỹ Long		2xACSR240	2	0,5	2023
2	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Lấp Vò		2xACSR240	2	2,3	2023
3	Đường dây 110 kV An Hòa - KCN Sa Đéc C		2xACSR240	2	6,5	2023
4	Đầu nối trạm 110 kV Tân Thành		2xACSR240	2	6,8	2024
Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220 kV trạm 220 kV Ô Môn – trạm 220 kV Vĩnh Long (mạch 2)						
Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 220 kV Cao Lãnh – 110 kV Mỹ Thuận						
Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV An Hòa - Thạnh Hưng						
Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thạnh Hưng – An Hòa hiện hữu						

TT	Danh mục	Tiết diện			Quy mô	Thời điểm vận hành	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo	Số mạch	Chiều dài (km)		
Cải tạo, nâng tiết diện							
1	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV trạm 110 kV Cao Lãnh - Trần Quốc Toản	2xACKP 150	2xACSR240	2	12,9	2022	Cải tạo đường dây 110 kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch
2	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV Trần Quốc Toản - An Long	2xACKP150	2xACSR240	2	31,7	2023	Cải tạo đường dây 110 kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch
3	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV trạm 220 kV Cao Lãnh - Mỹ Thuận	2xACSR150	2xACSR240	2	27,6	2023	Cải tạo đường dây 110 kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch
4	Cải tạo nâng cấp đường dây 110 kV An Long - Hồng Ngự	ACSR185	2xACSR240	2	13,2	2024	Cải tạo đường dây 110 kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch

Ghi chú: Tiết diện dây dẫn có thể được chuẩn xác trong giai đoạn lập bão cáo đầu tư.

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LUỐI ĐIỆN DỰ KIẾN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2026-2035
 (Ban hành kèm theo quyết định số: 2877/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Bảng 4.1 Khối lượng dự kiến xây dựng đường dây 220 -110 kV tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2035

TT	Danh mục	Tiết diện (mm^2)		Quy mô		Địa điểm/Ghi chú
		Hiện có	XĐM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
Giai đoạn 2026-2030						
I	Đường dây 220 kV					
<i>Xây dựng mới</i>						
1	Đường dây 220 kV trạm 500kV Đồng Tháp – 220 kV Hồng Ngự		2xACSR400	2	34,7	
2	500 kV Đồng Tháp – 220 kV Chợ Mới		2xACSR400	2	34,8	
3	220 kV Châu Đốc – 220 kV Hồng Ngự		2xACSR400	2	40	
II	Đường dây 110 kV					
<i>Xây dựng mới</i>						
1	Lộ ra 110 kV trạm 500/220/110 kV Đồng Tháp	2xACSR240	2	0,8	Chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Tam Nông - KCN Trường Xuân	
		2xACSR240	2	14,5	Chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Trần Quốc Toản - trạm 110 kV An Long	
		2xACSR240	2	14,5	Chuyển tiếp trên 110 kV trạm 110 kV Cao Lãnh - trạm 110 kV Thanh Bình	

TT	Danh mục	Tiết diện (mm^2)			Quy mô	Địa điểm/Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cài tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
2	Trạm 110 kV Hồng Ngự - Thường Phước 1		ACSR240	2	18,7	
3	Lộ ra trạm 220 kV Hồng Ngự		2xACSR240	2	2,2	Chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 110 kV An Long - trạm 110 kV Hồng Ngự
			2xACSR240	2	2,2	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm 110kV Thanh Bình - trạm 110kV Hồng Ngự
			ACSR240	2	3,8	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thường Phước 1 - Tân Hồng
4	Đầu nối trạm 110kV KCN Ba Sao		2xACSR240	2	0,9	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm 220 kV Cao Lãnh - Tháp Mười
6	Đầu nối trạm 110kV Sông Hậu 2		2xACSR240	2	8	Chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 220 kV Sa Đéc - trạm 110 kV Sông Hậu
Cải tạo, nâng tiết diện						
1	Cải tạo, nâng tiết diện đoạn đường dây 110 kV từ trạm 110 kV KCN Trường Xuân đến điểm đấu nối trạm 500/220kV Đông Tháp	ACSR240	2xACSR240	1	20,4	
2	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV trạm 220 kV Sa Đéc - trạm 110 kV Sông Hậu	ACSR240	2xACSR240	2	15,4	Cải tạo đường dây 110 kV hiện hữu từ 1 mạch thành 2 mạch

TT	Danh mục	Tiết diện (mm^2)			Quy mô	Địa điểm/Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
Giai đoạn 2031-2035						
I	Đường dây 110kV					
	Xây dựng mới					
1	Đầu nối trạm 110 kV Tân Hộ Cơ		ACSR240	2	17,5	Đầu nối chuyển tiếp trên mạch 2 đường dây 110 kV trạm 220 kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng
2	Đầu nối trạm 220kV Hồng Ngự		ACSR240	1	3,8	Đầu nối trạm 220 kV Hồng Ngự để đường dây 110 kV trạm 220 kV Hồng Ngự đến trạm 110 kV Vĩnh Hưng thành 2 mạch.
3	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Hồng Ngự - Chợ Vầm		2xACSR240	2	10,6	
Cải tạo và treo dây mạch 2						
1	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110 kV trạm 220 kV Sa Đéc – trạm 220 kV Lấp Vò	2xACSR185	2xACSR240	2	20,5	Cải tạo đường dây 110kV hiện hữu 1 mạch thành 2 mạch
2	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Tháp Mười – KCN Trường Xuân	ACSR240	2xACSR240	1	12	
3	Treo dây mạch 2 đoạn từ điểm đầu nối vào trạm 220 kV Hồng Ngự đến trạm 110 kV Vĩnh Hưng	ACSR240	1		44,5	

**Bảng 4.2. Khối lượng trạm biến áp 220, 110 kV xây dựng mới và cải tạo
tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2035**

TT	Danh mục trạm	Máy	Giai đoạn 2026-2030		Giai đoạn 2031-2035	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
A	Trạm 220 kV					
<i>I</i>	Xây dựng mới					
1	Trạm 220 kV Đồng Tháp nối cấp trong trạm 500 kV Đồng Tháp	T1, T2	2x250	220/110		
2	Hồng Ngự	T1	250	220/110		
<i>II</i>	Cải tạo, mở rộng					
1	Lấp Vò	T2			250	220/110
2	Hồng Ngự	T2			250	220/110
B	Trạm 110 kV					
<i>I</i>	Xây dựng mới					
1	KCN Ba Sao	T1	40	110/22		
2	Thường Phước 1	T1	40	110/22		
3	Sông Hậu 2	T1	40	110/22		
4	Tân Hộ Cơ	T1			40	110/22
<i>II</i>	Cải tạo, mở rộng					
1	Nâng công suất MBA T1 trạm Trần Quốc Toản	T1	63	110/22		
2	Nâng công suất MBA T1 trạm Tam Nông	T1	63	110/22		
3	KCN Trường Xuân	T2	40	110/22		
4	Mỹ Long	T2	40	110/22		
5	Nâng công suất MBA T2 trạm An Long	T2	63	110/22		
6	Nâng công suất MBA T1 trạm Hồng Ngự	T1	63	110/22		
7	Nâng công suất MBA T1 trạm Thanh Bình	T1	63	110/22		
8	Tân Thành	T2	40	110/22		
9	Sa Đéc 2	T2	40	110/22		

TT	Danh mục trạm	Máy	Giai đoạn 2026-2030		Giai đoạn 2031-2035	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
10	Nâng công suất MBA T1 trạm Tháp Mười	T1	63	110/22		
11	Nâng công suất MBA T1 trạm Sa Đéc	T1	63	110/22		
12	Nâng công suất MBA T2 trạm Trần Quốc Toản	T2			63	110/22
13	Nâng công suất MBA T1 trạm Mỹ Long	T1			63	110/22
14	Nâng công suất MBA T1 KCN Trường Xuân	T1			63	110/22
15	KCN Ba Sao	T2			63	110/22
16	Nâng công suất MBA T2 Hồng Ngự	T2			63	110/22
17	Nâng công suất MBA T2 Tam Nông	T2			63	110/22
18	Nâng công suất MBA T1 Tân Hồng	T1			63	110/22
19	Nâng công suất MBA T2 trạm Thanh Bình	T2			63	110/22
20	Thường Phước 1	T2			40	110/22
21	Sông Hậu 2	T2			40	110/22
22	Lấp Vò 2	T2			40	110/22
23	KCN Sa Đéc C	T2			40	110/22
24	Nâng công suất MBA T2 Sa Đéc	T2			63	110/22
25	Nâng công suất MBA T2 trạm Tháp Mười	T2			63	110/22
26	Nâng công suất MBA T2 Sông Hậu	T2			63	110/22

**PHỤ LỤC 5: DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ KÈM THEO HỒ SƠ QUY
HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH ĐỒNG THÁP
ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

(Ban hành kèm theo quyết định số: 2877/QĐ-BCT ngày 5 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	TÊN BẢN VẼ	KÍ HIỆU
1	Bản đồ lưới điện 500-220-110kV tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025	517008Q-DD - 01
2	Bản đồ lưới điện 500-220-110kV tỉnh Đồng Tháp đến năm 2035	517008Q-DD - 02
3	Sơ đồ nguyên lý lưới điện 500-220-110kV tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025	517008Q-DD - 05
4	Sơ đồ nguyên lý lưới điện 500-220-110kV tỉnh Đồng Tháp đến năm 2035	517001Q-DD - 07
5	Sơ đồ nguyên lý các xuất tuyến trung áp liên kết sau các trạm 110 kV tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025	517008Q-DD - 08



